TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2018
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa.

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Hà Đình Sở.

Ông Hoàng Ngọc Ánh.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên .

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp: *Hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2018/QĐST-DS ngày 20/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Dương Đăng T**, Sinh năm: 1989 (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm H B, xã V M, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Thu T**, Sinh năm: 1990 (Có mặt)

Nơi ĐKNKTT: Xóm H B, xã V M, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu L T, xã V M, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/8/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – anh Dương Đăng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Đăng T kết hôn với chị Lê Thị Thu T năm 2011, có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V M, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2015 khi anh T đi Nhật thì phát sinh mâu

thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T nghi ngờ chị T có quan hệ với người khác và trong thời gian anh T đi Nhật làm ăn thì chị T ở nhà có mối quan hệ không tốt với gia đình anh T. Khi về anh T và gia đình anh T đã nhiều lần mời chị T và gia đình chị T đến nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhưng chị T và gia đình chị T không đến. Từ tháng 6/2018 chị T về sống với bố mẹ đẻ tại Khu L T, xã V M. Đến tháng 8/2018 anh T đi Nhật về nhưng chị T cũng không trở về. Hiện nay anh chị đang sống ly thân không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị T có 02 con chung là cháu Dương Quang T, sinh ngày 06/8/2012 và cháu Dương Quang T, sinh ngày 12/6/2015. Hiện nay cháu Th đang ở với anh T, còn cháu T ở với chị T. Nay ly hôn quan điểm của anh T là xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Anh T xác định vợ chồng anh không có gì, nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra anh T không có yêu cầu gì khác.

Phía bị đơn, chị Lê Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T thừa nhận về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận hạnh phúc, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng theo chị T những mâu thuẫn đó chưa đến mức phải ly hôn và cũng không phải hòa giải tại khu dân cư. Trong thời gian anh T đi Nhật du học, chị T chung sống với bố mẹ anh T tại xóm H B, xã V M, cuộc sống gia đình thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ, đến tháng 6/2018 thì mẹ chồng chị đuổi ba mẹ con chị đi nên chị T đã đưa hai con về sống với mẹ đẻ tại Khu L T, xã V M. Đến tháng 8/2018 anh T đi Nhật Bản về nhưng cũng không quan tâm gì đến chị T và gia đình anh T cũng không có ý kiến gì. Anh T có sang nhà một lần nhưng không phải để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân chị T thì cũng nhiều lần muốn nói chuyện nhưng anh T không hợp tác nên vợ chồng không nói chuyện được với nhau và không thể tự hòa giải được. Theo chị T thì anh T có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên Nhật khi đi du học nhưng chị T không biết tên tuổi địa chỉ người phụ nữ đó ở đâu. Hiện nay vợ chồng anh chị đang sống ly thân. Chị T xác định chị vẫn còn tình cảm với anh T, anh T xin ly hôn chị T không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Dương Quang T, sinh ngày 06/8/2012 và cháu Dương Quang T, sinh ngày 12/6/2015. Hiện nay cháu T ở với anh T còn cháu T ở với chị T. Đến tháng 8/2018 thì anh T mới đón cháu T về. Nay ly hôn quan điểm của chị T là xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì chị có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian để nuôi con.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Chị Lê Thị Thu T xác nhận vợ chồng

không có gì, nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Về công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Lê Thị Thu T xác nhận không có, nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của anh T, cho anh T được ly hôn chị T. Về con chung: Giao cho anh T được trực tiếp nuôi cháu T, chị T trực tiếp nuôi cháu T để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các cháu. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: các bên xác nhận không có gì, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05/9/2018 anh Dương Đăng T nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với chị Lê Thị Thu T, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Đăng T và chị Lê Thị Thu T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn ngày 20/10/2011 tại UBND xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của anh T và chị T, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, nghi ngờ lẫn nhau, ngoài ra trong thời gian chị T chung sống với gia đình anh T cũng xảy ra mâu thuẫn và hiện nay anh chị đang sống ly thân. Khi có mâu thuẫn, chị T và anh T cũng đã có những biện pháp tự hòa giải, khắc phục nhưng không được. Theo chị T, anh T không quan tâm gì đến chị, bản thân chị cũng nhiều lần muốn nói chuyện nhưng anh T không nghe. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Phía anh T cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với chị T. Tại

biên bản xác minh ngày 24/10/2018 ông Trần Duy Đ – Trưởng khu hành chính xóm H B, xã V Mu xác nhận việc mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị T khu dân cư không nắm được do vợ chồng anh chị không báo khu để tiến hành hòa giải hay giải quyết. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại xóm L T, xã V M, hiện nay cũng không thấy chị T trở về nhà anh T. Như vậy HĐXX nhận thấy: tình trạng hôn nhân của anh T và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là cháu Dương Quang T, sinh ngày 06/8/2012 và cháu Dương Quang T, sinh ngày 12/6/2015. Ly hôn chị T và anh T đều xin được nuôi cả hai con chung đến khi thành niên, không bên nào có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét về nguyện vọng xin nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên xét về điều kiện nuôi con thấy rằng, chị T và anh T đều sống chung với bố mẹ, có thu nhập ổn định và có thời gian chăm sóc con. Như vậy điều kiện nuôi con của anh T và chị T là như nhau. Chị T và anh T có hai con chung, hiện nay cháu T ở với anh T còn cháu T ở với chị T. Nhưng cháu T còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và để đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu có điều kiện ăn học tốt nhất, đảm bảo sự phát triển toàn diện, tránh được sự sáo trộn về tâm lý cũng như nếp sống và học tập cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh T được nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với quy định Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh T và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh chị đều không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị T và anh T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về án phí: Anh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Dương Đăng T, cho anh Dương Đăng T được ly hôn chị Lê Thị Thu T.

2. Về con chung: Giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Quang T, sinh ngày 06/8/2012; Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Quang T, sinh ngày 12/6/2015 kể từ ngày 20/11/2018 đến khi các cháu thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Dương Đăng T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001466 ngày 05/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện; Tỉnh;*
- *Cơ quan THADS huyện;*
- *UBND xã Võ Miếu.*
- *Lưu VP, Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Duyên Hòa